TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/DS-ST
Ngày: 15-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Hòa.

2. Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 800/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2026/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh ngày 20/10/1963, căn cước công dân số 038AAAAAAAAA, cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Phước Y, sinh ngày 27/4/1995, căn cước công dân số 072BBBBBBBBB, cư trú tại: Khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh và chị Huỳnh Thị Mỹ Q, sinh ngày 12/8/2002, căn cước công dân số 072CCCCCCCCC, cư trú tại: Khu phố T, phường L, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 11 năm 2025); anh Y vắng mặt, chị Q có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Công M, sinh ngày 15/3/1967, căn cước công dân số 072XXXXXXXXX và bà Huỳnh Thị G, sinh ngày 01/01/1968, căn cước công dân số 072YYYYYYYYY; cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; ông M, bà G có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/11/2025 và các lời khai trong quá trình giải

quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – chị Huỳnh Thị Mỹ Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị P cho ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 02/02/2022 âm lịch, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời gian trả nợ ngày 02/8/2022 âm lịch, lãi suất vay 03%/tháng, mục đích vay để kinh doanh mở rộng mặt bằng buôn bán quán ăn.

- Ngày 10/3/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian vay, lãi suất vay 03%/tháng, mục đích vay để kinh doanh mở rộng mặt bằng buôn bán quán ăn.

- Ngày 15/4/2024 âm lịch, vay số tiền 38.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian vay, lãi suất vay 03%/tháng, mục đích vay điều trị bệnh cho ông M.

- Ngày 15/10/2024, vay số tiền 20.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian vay, lãi suất vay 03%/tháng, mục đích vay để trả tiền mua đồ.

- Ngày 20/12/2024, vay số tiền 64.000.000 đồng, thời gian trả nợ ngày 20/10/2025, lãi suất vay 03%/tháng, mục đích vay để điều trị bệnh cho ông M.

- Ngày 08/01/2025, vay số tiền 12.500.000 đồng, không thỏa thuận thời gian vay, lãi suất vay 03%/tháng, mục đích vay để trả nợ người khác.

- Ngày 18/01/2025, vay số tiền 20.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian vay, lãi suất vay 03%/tháng, mục đích vay để trả nợ người khác.

Tổng cộng ông M, bà G vay số tiền 179.500.000 đồng, những lần vay tiền có viết giấy nợ. Ngày 15/9/2025, các bên tổng kết lại số tiền vay, viết giấy nợ mới. Ông M, bà G xác định còn nợ bà P số tiền 180.000.000 đồng, thỏa thuận trả nợ gốc ngày 10/10/2025, lãi suất theo lãi suất ngân hàng, không xác định cụ thể; ông M, bà G có ký tên. Tuy nhiên do nhầm lẫn nên ghi ngày 15/10/2024, bà P xác định thời gian ghi giấy là ngày 15/9/2025. Từ khi vay, ông M, bà G không trả nợ gốc, trả lãi số tiền nào.

Bà P yêu cầu ông M, bà G có nghĩa vụ trả số tiền 180.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 15/10/2024 đến khi kết thúc vụ án

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị G trình bày:

Ngày 15/10/2024, bà vay bà P 20.000.000 đồng có viết giấy nợ, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 2.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời gian vay, mục đích vay để trả nợ lại cho bà P do trước đó bà nhiều lần vay tiền của bà P. Ông bà trả lãi được 02 tháng thì bà P thay đổi tiền lãi 200.000 đồng/ngày, ông bà đồng ý. Sau đó ông bà ngừng trả lãi nhưng bà P tiếp tục tính lãi cộng vào tiền nợ gốc. Bà P đề nghị bà tham gia hụi để lĩnh hụi trả nợ, bà không có ý kiến. Ngày 05/4/2025, bà P gặp bà và tính tiền nợ hụi chết, tiền nợ vay và viết giấy nợ số tiền 160.000.000 đồng. Bà có ký tên nhưng thực tế không vay bà P số tiền này. Việc tham gia hụi bà không biết chi tiết và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Khoảng 02 – 03 tháng sau, bà P tiếp tục mang giấy nợ số tiền 180.000.000 đồng nói ông bà ký tên và đưa lại 02 giấy nợ trước đó. Do tin tưởng nên ông bà không đọc lại nội dung. Ông bà xác định vay bà P số tiền 20.000.000 đồng, ngoài ra không vay số tiền nào khác. Việc trả tiền lãi không lập thành văn bản, ông bà không xác định số tiền lãi đã trả là bao nhiêu tiền.

Giấy nợ ghi ngày 15/10/2024 số tiền 180.000.000 đồng gồm số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi của những giấy nợ cũ, bà P cộng lại và viết thành giấy nợ mới. Ông bà thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh Thị G, Đỗ Công M trên giấy nợ này là của ông bà viết, ký tên. Bà P yêu cầu bà và ông M có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 180.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 15/10/2024, bà không đồng ý. Bà đồng ý trả cho bà P số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn công Đỗ Công M trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà G về quá trình vay tiền, ông không có ý kiến, không trình bày bổ sung gì thêm. Chữ ký, chữ viết họ tên trên những giấy nợ bà P cung cấp do ông viết, ký tên nhưng do tin tưởng hàng xóm thân thiết với nhau nên khi ký tên ông bà không đọc lại nội dung. Việc trả tiền lãi cho bà P, ông bà không lập thành văn bản, không xác định số tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Bà P yêu cầu ông và bà G có nghĩa vụ trả số tiền 180.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 15/10/2024, ông không đồng ý. Ông đồng ý trả cho bà P số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 180.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 11/11/2025 đến khi kết thúc vụ án. Ông M, bà G không đồng ý trả cho bà P số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11–Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 180.000.000 đồng, và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 11/11/2025 đến khi giải quyết xong vụ án.

Về án phí: Ông M, bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G, địa chỉ nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả tiền vay gốc, tiền lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Lê Phước Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Huỳnh Thị Mỹ Q có mặt; bị đơn ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G có mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P, anh Y.

[3] Về nội dung vụ án: Nhận thấy giấy nợ ghi ngày 15/10/2024 do nguyên đơn cung cấp, nội dung thể hiện bên vay ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G, bên cho vay bà Nguyễn Thị P, số tiền vay 180.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 10/10/2025, không thể hiện lãi suất vay cụ thể. Vị trí cuối giấy nợ có chữ ký và chữ viết họ tên "Đỗ Công M" và "Huỳnh Thị G".

Ông M, bà G thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trên giấy nợ trên do ông bà viết, ký tên. Tuy nhiên ông bà thừa nhận vay bà P số tiền 20.000.000 đồng, số tiền 180.000.000 đồng là tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi. Ông M, bà G cung cấp 02 giấy nợ với bà P ghi ngày 15/10/2024, ngày 05/4/2025 số tiền 20.000.000 đồng và 160.000.000 đồng.

Ngoài lời trình bày, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 180.000.000 đồng trên giấy nợ ghi ngày 15/10/2024 là tiền nợ gốc và tiền lãi; ý kiến của bị đơn là không có căn cứ. Mặt khác 02 giấy nợ do bị đơn cung cấp thể hiện tổng số tiền vay là 180.000.000 đồng. Phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về việc các bên tổng kết số tiền nợ, viết giấy nợ mới số tiền 180.000.000 đồng đồng thời giao cho bị đơn giữ 02 giấy nợ cũ. Nhận thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên là sự thật, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng

vay tài sản có lãi, có kỳ hạn.

Kết thúc kỳ hạn vay, ông M, bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự, bà P yêu cầu ông M, bà G có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu tính lãi: Hợp đồng vay tài sản các bên thỏa thuận việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, số tiền lãi phải trả. Bà P xác định giấy nợ các bên lập ngày 15/9/2025 nhưng ghi ngày vay trước đó (ngày 15/10/2024). Bị đơn không thừa nhận số tiền vay, thời gian vay đồng thời các bên không có thỏa thuận khác. Ngoài lời trình bày, các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thời điểm xác lập hợp đồng vay tài sản. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày khởi kiện 11/11/2025 là có căn cứ.

Căn cứ khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; các điều 5, 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử buộc ông M, bà G phải trả lãi số tiền 180.000.000 đồng x 10%/năm x 05 tháng 04 ngày = 7.700.000 đồng.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông M, bà G có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng; tiền lãi 7.700.000 đồng, tổng cộng 187.700.000 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông M, bà G phải chịu 187.700.000 đồng x 05% = 9.385.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các điều 5, 6, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính đến ngày 15/4/2026 số tiền 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng; tổng cộng 187.700.000 (một trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí: Ông Đỗ Công M, bà Huỳnh Thị G phải chịu 9.385.000 (chín triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị P thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Hải